

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 29-02 -2024

V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thùy;
- Ông K'Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lịch – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5/2024/QĐST-DS ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị **Trần Thị Thùy T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ dân phố P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** anh **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị **Trần Thị Thùy T** trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: chị xây dựng gia đình với anh **Nguyễn Anh V** năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh **V** đã nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do

vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh **V**.

Về con chung: vợ chồng chị có con chung tên là **Nguyễn Hiếu P**, sinh ngày 25/10/2011 và **Nguyễn Vũ Bảo A**, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung là **Nguyễn Vũ Bảo A** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; chị đồng ý giao con chung là **Nguyễn Hiếu P** cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết về sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị có nợ **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – chi nhánh L** số tiền gốc là 300.000.000đ. Nay Ngân hàng đã có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị **T** không trình bày gì thêm.

*Bị đơn anh **Nguyễn Anh V** trình bày tại bản tự khai thì:*

Về quan hệ hôn nhân: anh xây dựng gia đình với chị **Trần Thị Thùy T** năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vợ chồng anh chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên có xảy ra xô xát nhau. Vợ chồng anh đã nhiều lần tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không hòa giải được. Vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2023 đến nay. Nay chị **T** yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị **T**.

Về con chung: vợ chồng anh có con chung tên là **Nguyễn Hiếu P**, sinh ngày 25/10/2011 và **Nguyễn Vũ Bảo A**, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nguyễn Hiếu P**; anh đồng ý giao con chung là **Nguyễn Vũ Bảo A** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết về sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh nợ **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – chi nhánh L** số tiền gốc là 300.000.000đ. Khi ly hôn, vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết số nợ trên với ngân hàng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh **V** không yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng bị đơn anh **Nguyễn Anh V** vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Thùy T**, xử cho chị **Trần Thị Thùy T** được ly hôn với anh **Nguyễn Anh V**. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là **Nguyễn**

Hiếu P, sinh ngày 25/10/2011 cho anh Nguyễn Anh V; giao con chung là Nguyễn Vũ Bảo A, sinh ngày 25/7/2015 cho chị Trần Thị Thùy T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, đương sự xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, chị T và anh V xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – chi nhánh L số tiền gốc là 300.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Sau này, giữa chị T, anh V và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – chi nhánh L có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: buộc chị Trần Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Nguyễn Anh V cư trú tại: tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Anh V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27/12/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thùy T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh các cơ quan, đoàn thể ở địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh V, chị T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh V, chị T đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2023 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, trong lời khai anh V cũng đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh V là hoàn toàn phù hợp.

[4] *Về con chung*: anh **V** và chị **T** xác định vợ chồng có con chung là **Nguyễn Hiếu P**, sinh ngày 25/10/2011 và **Nguyễn Vũ Bảo A**, sinh ngày 25/7/2015. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Nguyễn Vũ Bảo A**; chị **T** đồng ý giao con chung là **Nguyễn Hiếu P** cho anh **V** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy, từ khi chị **T** và anh **V** sống ly thân đến nay, con chung là **Nguyễn Hiếu P** do anh **V** là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; con chung là **Nguyễn Vũ Bảo A** do chị **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, trong lời khai: cháu **P** có nguyện vọng ở với bố, cháu **P** có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là **Nguyễn Hiếu P**, sinh ngày 25/10/2011 cho anh **V**; giao con chung tên là **Nguyễn Vũ Bảo A**, sinh ngày 25/7/2015 cho chị **T** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, cả chị **T** và anh **V** đều không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: anh **V**, chị **T** xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: anh **V**, chị **T** xác định có nợ **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – chi nhánh L** số tiền gốc là 300.000.000đ, Ngân hàng đã có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung trên. Đồng thời, cả anh **V**, chị **T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Trường hợp, Ngân hàng có phát sinh tranh chấp với chị **T**, anh **V** thì Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] *Về án phí*: buộc chị **T** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Trần Thị Thùy T**, xử cho chị **Trần Thị Thùy T** được ly hôn với anh **Nguyễn Anh V**.

2. Về con chung: giao con chung tên là **Nguyễn Hiếu P**, sinh ngày 25/10/2011 cho anh **Nguyễn Anh V**; giao con chung tên là **Nguyễn Vũ Bảo A**, sinh ngày

25/7/2015 cho chị **Trần Thị Thùy T** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: buộc chị **Trần Thị Thùy T** phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000144 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị **Trần Thị Thùy T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh